TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS - ST
Ngày 10 - 6 -2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Trí.

2. Ông Lê Đức Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 10/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXX-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần TP (TPBank)

Địa chỉ: Số xx LTK, phường THĐ, quận HK, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ L – Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ. (Theo giấy ủy quyền số 08/2019/UQ-TPB.HĐQT ngày 14/5/2019 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP TP).

Người đại diện theo ủy quyền lại:

- Ông Nguyễn Thành H - Chức vụ: Trưởng bộ phận tố tụng.

- Bà Đào Thị S – Chức vụ: Nhân viên.

- Ông Mai Đình T - Chức vụ: nhân viên.

- Ông Lê Đức C1 - Chức vụ: Nhân viên.

(theo văn bản ủy quyền số 75/2021/UQ-TPB.RB ngày 08/6/2021 của ông Nguyễn Vũ Long - Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP TP).

Bị đơn: Ông Lê Duy C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn x, xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt ông Mai Đình T, ông Lê Đức C1; vắng mặt ông Nguyễn Thành H, bà Đào Thị S và anh Lê Duy C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần TP trình bày:

Ngày 04/10/2018, anh Lê Duy C ký hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 158/2018/HĐTD/TTKD.THA/01 với ngân hàng TMCP TP để vay số tiền 256.000.000đ (*Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng)*, thời hạn vay: 60 tháng, mục đích sử dụng: Vay mua ô tô, Lãi suất 9,9%/năm (áp dụng kể từ thời điểm vay đến ngày 04/10/2019), lãi suất thời gian tiếp theo đến ngày 04/10/2023 sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP TP tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 4,5%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn; lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi vay chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Thời hạn trả nợ lãi: mỗi tháng một lần vào ngày 12; Trả nợ gốc: mỗi tháng trả một lần theo định kỳ lịch trả nợ do TPBank giao cho khách hàng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET màu trắng, SK: 48DJJH953938; SM: 1988HN7X0147, biển kiểm soát 36A 350.39 được phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thanh Hóa cấp chứng nhận đăng ký xe ô tô số 059332 ngày 04/10/2018 cho ông Lê Duy C.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Lê Duy C đã thanh toán được tổng số tiền gốc là 34.202.898đ (*Ba mươi tư triệu hai trăm lẻ hai nghìn tám trăm chín mươi tám đồng)* và tiền lãi là 16.446.982đ *(mười sáu triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi hai đồng)*. Lần thanh toán cuối cùng của anh Lê Duy C là ngày 18/6/2019, kể từ sau ngày 18/6/2019, anh Lê Duy C không thanh toán được thêm cho Ngân hàng khoản tiền nào. Từ ngày 12/7/2019, số tiền đến hạn thanh toán của ông Lê Duy C đã chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn, lãi suất chậm trả theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng đã ký kết tương ứng với khoản tiền của từng thời điểm trả nợ.

Tạm tính đến ngày 04/11/2020 số tiền anh Lê Duy C còn nợ Ngân hàng là: Nợ gốc: 221.797.102đ, nợ lãi trong hạn: 31.532.327đ, nợ lãi quá hạn:

8.830.395đ, lãi chậm trả: 2.117.226đ. Tổng cộng là 264.277.050đ

Thời điểm thanh toán cuối cùng của anh C chưa đến, nhưng do anh C vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận trong hợp đồng. Vì vậy Ngân hàng TMCP TP yêu cầu anh Lê Duy C phải trả toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng bao gồm tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh theo Hợp đồng đã ký kết đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Ngân hàng TMCP TP đề nghị Tòa án cho ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của anh Lê Duy C để thu hồi nợ trong trường hợp anh C không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP TP vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Lê Duy C phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử là: **286.012.261** (*Hai trăm tám mươi sáu triệu không trăm mười hai nghìn hai trăm sáu mươi mốt đồng)* gồm: nợ gốc: 221.797.102đ *(Hai trăm hai mươi mốt triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn một trăm lẻ hai đồng)*; nợ lãi trong hạn: là 41.748.621đ (*Bốn mươi mốt triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi mốt đồng)*; nợ lãi quá hạn: là 18.201.999đ (*Mười tám triệu hai trăm linh một nghìn chín trăm chín mươi chín đồng)*, lãi chậm trả: là 4.264.539đ (*Bốn triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm ba mươi chín đồng)* và đề nghị tiếp tục được tính lãi và phạt chậm trả theo thỏa thuận trong hợp đồng cũng như quyền đề nghị thi hành án và cưỡng chế thi hành án đối với tài sản bảo đảm.

Đối với bị đơn anh Lê Duy C: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ cho anh Lê Duy C. Anh C không có mặt ở nhà, ông Lê Duy K là bố đẻ anh C đã nhận và cam kết sẽ thông báo lại cho anh C. Tuy nhiên do ông K không rõ anh C đang ở đâu và làm gì nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nêu trên theo quy định pháp luật. Ngày 08/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống phối hợp cùng với Cán bộ tư pháp xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa đến nhà anh Lê Duy C để tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản đảm bảo, anh Lê Duy C vắng mặt tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ, Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Lê Duy K là bố đẻ của anh Lê Duy C, ông Lê Duy K cho biết tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET màu trắng, số khung: 48DJJH953938, số máy: 1988HN7X0147, biển kiểm soát 36A 350.39 được phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thanh Hóa cấp chứng nhận đăng ký xe ô tô số 059332 ngày 04/10/2018 cho ông Lê Duy C, hiện nay anh Lê Duy C đã mang chiếc xe ô tô đi khỏi nhà và địa phương, ông không rõ anh C mang đi đâu và làm gì.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:

**** Về tố tụng:***

- *Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự:* Nguyên đơn đã thực hiện gần như đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với anh C chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh C theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**** Về nội dung:***

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ, số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả tính đến ngày xét xử là nợ gốc: 221.797.102đ; nợ lãi trong hạn là 41.748.621đ; nợ lãi quá hạn là 18.201.999đ; lãi chậm trả là 4.264.539đ Tổng cộng cả gốc và lãi là **286.012.261** (*Hai trăm tám mươi sáu triệu không trăm mười hai nghìn hai trăm sáu mươi mốt đồng)* và buộc ông Lê Duy C phải tiếp tục thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận của hợp đồng cũng như quyền yêu cầu thi hành án và cưỡng chế thi hành án của Ngân hàng TMCP TP đối với ông Lê Duy C và tài sản bảo đảm.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Anh Lê Duy C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại số tiền tạm ứng án phí đã thu cho Ngân hàng TMCP TP.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Nông Cống nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Lê Duy C có hộ khẩu thường trú tại Thôn x, xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa nên việc Ngân hàng TMCP TP yêu cầu Tòa án

nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng với anh Lê Duy C là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Duy C vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử của Tòa án, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vì vậy thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 24/5/2021, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt đại diện Ngân hàng TMCP TP và anh Lê Duy C, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm tiếp tục vắng mặt anh Lê Duy C, tuy nhiên anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh C là đúng với quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:*

- Về nợ gốc: Ngân hàng TMCP TP và anh Lê Duy C kí kết "Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô" số 158/2018/HDTD/TTKD.THA/01 ngày 04/10/2018 là hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên và đã được ngân hàng giải ngân số tiền tiền 256.000.000đ (*Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng)* vào ngày 04/10/2018. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh C đã thanh toán cho Ngân hàng 08(tám) lần tiền gốc với số tiền 34.202.898đ (*Ba mươi tư triệu hai trăm lẻ hai nghìn tám trăm chín mươi tám đồng)* và 08(Tám) lần tiền lãi với số tiền 16.446.982đ *(mười sáu triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi hai đồng)*. Tổng cả gốc và lãi là 50.649.880đ(*Năm mươi triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm tám mươi đồng)*, kể từ sau ngày 18/6/2019 đến phiên tòa sơ thẩm, anh C không thanh toán thêm khoản nợ gốc và lãi nào. Sau khi anh Lê Duy C vi phạm thỏa thuận hợp đồng, Ngân hàng TMCP TP đã nhiều lần đốc thúc việc trả nợ nhưng anh C không thực hiện nghĩa vụ của mình nên kể từ ngày 12/7/2019 ngân hàng đã chuyển số nợ của anh C sang nợ quá hạn và Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh Lê Duy C phải trả số tiền nợ gốc là 221.797.102đ (*Hai trăm hai mươi mốt triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn một trăm lẻ hai đồng)* là có cơ sở để chấp nhận.

- Về nợ lãi: Căn cứ "Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô" số 158/2018/HDTD/TTKD.THA/01 ngày 04/10/2018 lãi suất các bên thỏa thuận là 9,9%/năm (áp dụng kể từ thời điểm vay đến ngày 04/10/2019), lãi suất thời gian tiếp theo đến ngày 04/10/2023 sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP TP tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,5%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn; lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi vay chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa hai bên đã được ký kết là phù hợp với quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLDS 2015). Như vậy, có cơ sở

chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi còn thiếu tính đến ngày xét xử là 64.215.159đ (*Sáu mươi tư triệu hai trăm mười lăm nghìn một trăm năm mươi chín đồng)* (nợ lãi trong hạn: 41.748.621đ, nợ lãi quá hạn: 18.201.999đ, nợ lãi chậm trả 4.264.539đ). Bị đơn anh Lê Văn Cường còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ tiền gốc và lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng số 158/2018/HDTD/TTKD.THA/01 ngày 04/10/2018 mà các bên đã ký kết là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng:

Biện pháp bảo đảm được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 158/2018/HDTD/TTKD.THA/01 ngày 04/10/2018.

Tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET màu trắng, số khung: 48DJJH953938, số máy: 1988HN7X0147, biển kiểm soát 36A 350.39 được phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thanh Hóa cấp chứng nhận đăng ký xe ô tô số 059332 ngày 04/10/2018 cho ông Lê Duy C.

Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết và công chứng tại Văn phòng công chứng Thuận Thiên đồng thời đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng, là giao dịch dân sự có nội dung và hình thức phù hợp với Điều 289, Điều 317, Điều 318 BLDS 2015 nên xác định thoả thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa các bên có hiệu lực để thi hành. Sau khi phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, phía nguyên đơn đã thông báo thu hồi nợ trước hạn nhưng bị đơn không thực hiện. Xét thấy xe ô tô trên là tài sản bảo đảm cho hợp đồng tín dụng giữa anh Lê Duy C với Ngân hàng TMCP TP nên yêu cầu của phía nguyên đơn đề nghị xử lý tài sản bảo đảm tại giai đoạn thi hành án trong trường hợp phía bị đơn không trả được các khoản nợ là có căn cứ để chấp nhận.

[3] *Về án phí*: Anh Lê Duy C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 117; Điều 280; Điều 292; Điều 293; Điều 295; Điều 298; Điều 299; Điều 303; Điều 317; Điều 318; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 357 của BLDS 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP TP đối với Ông Lê Duy C.

1.1. Buộc Ông Lê Duy C, địa chỉ: Thôn x, xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa phải trả cho Ngân hàng TMCP TP, địa chỉ: Số xx LTK, phường THĐ, quận HK, TP.Hà Nội, số tiền nợ gốc là: 221.797.102đ (*Hai trăm hai mươi mốt triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn một trăm lẻ hai đồng);* số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 59.950.620đ (*Năm mươi chín triệu chín trăm năm mươi nghìn sáu trăm hai mươi đồng)* và tiền phạt chậm trả là 4.264.539đ (*Bốn triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm ba mươi chín đồng)*. Tổng cả gốc, lãi và phạt chậm trả là: **286.012.261** (*Hai trăm tám mươi sáu triệu không trăm mười hai nghìn hai trăm sáu mươi mốt đồng).*

1.2. Trong trường hợp Ông Lê Duy C không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP TP, thì Ngân hàng TMCP TP có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử lý tài sản bảo đảm là 01(một) xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET màu trắng, số khung: 48DJJH953938, số máy: 1988HN7X0147, biển kiểm soát 36A 350.39 được phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Thanh Hóa cấp chứng nhận đăng ký xe ô tô số 059332 ngày 04/10/2018 đứng tên Lê Duy C.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Ông Lê Duy C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lại lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

2. Về án phí: Anh Lê Duy C phải chịu 14.300.613đ (*mười bốn triệu ba trăm nghìn sáu trăm mười ba đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng TMCP TP 6.600.000đ (*sáu triệu sáu trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu số AA/2019/0002247 ngày 23/10/2020.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vắng mặt anh Lê Duy C. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng

mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT. TH13.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kỳ Anh